TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 10, 04/03 – 08/03/2024

VNINDEX "mừng lễ 8/3" với sắc đỏ bao trùm

Tiêu điểm:

- Trong bài phát biểu trước Ủy ban Ngân hàng của Thượng viện Mỹ, lãnh đạo FED nhấn mạnh: "Chúng tôi đang chờ đợi để chắc chắn hơn về việc lạm phát đang tiến tới mức bền vững là 2%. Khi chúng tôi chắc chắn với điều đó – có thể sẽ không còn lâu nữa, lãi suất sẽ bắt đầu được giảm".
- Ngày 4/3, Tổng cục Hải quan cho biết, xuất khẩu trong tháng 2/2024 của Việt Nam ước đạt 24.82 tỷ USD, giảm 28.1% so với tháng trước.

Đánh giá: Những tin tức vĩ mô tốt đã phản ánh nhiều vào giá, khiến thị trường hiện tại đang gặp áp lực bán mạnh. Cụ thể, trong tuần qua, dòng tiền có dấu hiệu rút khỏi nhóm ngân hàng và chảy vào các cổ phiếu vốn hóa lớn khác (nhóm thực phẩm đồ uống như MSN, SAB); và khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tuần này. Vì thế khuyến nghị nhà đầu tư quan sát và sẵn sàng bán cổ phiếu khi vi phạm các ngưỡng hỗ trợ. Việc hạ margin và duy trì trạng thái an toàn cho tài khoản là điều cần thiết.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,247 (-10.9 điểm, -0.87%). Diễn biến tuần rồi của thị trường đi sát với kịch bản của chúng tôi, khi cứ khoảng 9-10 phiên tăng điểm, sẽ có 1 phiên giảm khoảng 15 điểm, kéo chỉ số về sát vùng EMA 20. Tính từ đầu năm, xu hướng chính của thị trường vẫn là tăng, vì thế ngoài 3 lần giảm hơn 15 điểm tính từ đầu năm 2024, chúng tôi kì vọng VNINDEX sẽ có 1 nhịp giảm nữa khoảng 30 điểm về vùng 1212 để kiểm định. Phản ứng ở khu vực này mang yếu tố quyết định đến chiến lược đầu tư trong thời gian tới.

Ý tưởng đầu tư: Khi thị trường bật tăng trở lại, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chưa tăng quá mạnh như GAS VNM kì vọng hưởng lợi. Ngoài ra, nhóm bất động sản NLG, KDH, VHM, KBC,… cũng được kì vọng đón nhận dòng tiền trong giai đoạn tới.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,247	-0.9	4.1	10.9	10.4		16.4	1.8	208
Upcom Index	91	0.1	2.1	6.4	4.8		12.6	1.3	49
HNX Index	236	0.0	2.3	2.2	2.3		22.9	1.3	12
VN30 Index	1,250	-1.3	3.1	12.5	10.5		12.8	1.7	148
S&P 500 Index	5,157	0.4	3.2	12.0	8.1		24.7	4.7	44,958
STOXX Europe 600 Index	504	1.3	3.9	6.7	5.2		14.6	2.0	14,683
Hang Seng	16,353	-1.4	3.0	0.1	-4.1		8.5	0.9	2,435
Nikkei 225	39,689	-0.6	7.7	22.8	18.6		28.3	2.2	4,798
SHCOMP Index	3,046	0.6	6.3	2.6	2.4		13.9	1.3	6,395
STI Index	3,146	0.3	0.1	1.1	-2.9		11.4	1.1	360
KOSPI Index	2,680	1.4	2.3	6.5	0.9		18.5	0.9	1,578

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 8004
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.0	4.2	11.2	6.0	16.3	60.0	79.7	-0.5	14.0	1.8	4,439,436
Mid Cap	1.1	3.9	12.1	10.3	17.8	52.9	19.0	0.6	20.2	1.3	534,815
Small Cap	0.0	-14.4	0.6	0.6	3.8	17.0	1.2	-0.1	30.9	0.7	70,618

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tiện ích	2.9	3.8	7.6	26.3	24.5	73.6	1.3	0.2	15.8	1.9	315,587
Bảo hiểm	2.9	6.2	10.2	73.7	43.2	106.5	0.2	0.1	14.9	1.6	44,918
Bán lẻ	2.5	5.5	15.1	28.1	59.4	108.5	4.9	0.9	218.0	3.5	107,154
Thực phẩm và đồ uống	2.4	7.6	7.6	12.0	20.0	62.0	9.0	0.5	24.8	2.6	448,749
Du lịch và Giải trí	2.1	2.1	1.0	18.9	19.5	9.4	0.5	0.0	n.a	20.5	97,480
Hóa chất	1.0	13.3	26.6	-0.4	9.3	88.7	4.9	-0.3	24.3	1.9	225,200
Dầu khí	0.9	6.2	7.2	-13.3	6.2	83.0	1.1	-0.3	22.7	2.2	63,879
Ô tô & Phụ tùng	0.9	0.7	8.1	19.6	7.0	10.4	0.3	0.0	19.1	1.2	15,796
Dược và Y tế	0.8	3.5	4.8	-23.9	8.1	47.2	0.1	0.0	14.3	1.9	36,318
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	4.8	12.0	30.8	64.4	102.6	1.5	0.3	15.1	2.0	59,747
Tài chính	0.2	6.9	16.8	9.7	27.6	75.2	18.4	0.7	23.3	1.7	211,723
Bất động sản	-0.5	4.2	3.3	17.6	17.7	58.4	16.9	1.7	14.6	1.2	758,054
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.9	6.4	8.1	12.6	25.0	67.6	5.5	0.3	14.6	1.4	140,883
Công nghệ Thông tin	-0.9	4.2	12.3	-5.5	16.4	65.0	1.9	-0.2	22.4	3.6	154,217
Xây dựng và vật liệu	-1.0	-5.3	4.3	13.1	15.0	57.7	6.7	0.4	6.9	1.3	132,435
Truyền thông	-1.3	0.5	-11.2	-16.0	-22.4	13.7	0.1	0.0	29.6	1.0	1,900
Tài nguyên cơ bản	-1.7	6.6	7.4	-0.2	10.1	33.7	7.5	-0.5	32.4	1.6	227,412
Ngân hàng	-2.8	1.7	15.4	-12.0	-3.8	32.8	19.2	-3.9	10.0	1.6	1,985,455

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,520**	-3.3	-39.3	-171.8	-165.2
Nước ngoài	**2,488**	2.1	-18.9	-133.1	-5.4
VanEck Vectors Vietnam ETF	558	0.0	1.3	-6.1	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	905	5.6	12.0	33.6	83.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	434	0.0	-13.3	-124.4	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	365	-2.4	-15.0	-14.4	55.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	197	0.0	-2.9	-20.0	-24.1
Premia MSCI Vietnam ETF	14	-1.2	-1.2	-1.8	-2.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,032**	-5.4	-20.3	-38.7	-159.9
DCVFMVN Diamond ETF	572	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	325	-5.2	-20.6	-18.7	-61.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	93	-0.2	0.3	-18.7	-98.0
MAFN VN30 ETF	25	0.0	-0.1	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	657	919	-1,738	-1,738
Indonesia	-36	-61	1,119	1,119
Nhật Bản*	1,891	1,891	26,453	26,453
Maylaysia	-304	-345	77	77
Philippines	43	43	43	251
Hàn Quốc	434	434	8,807	8,807
Sri Lanka	-4	-5	-16	-16
Đài Loan	3,436	3,702	8,507	8,507
Thái Lan	-118	-141	-929	-929
Việt Nam	9	26	-23	-23

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

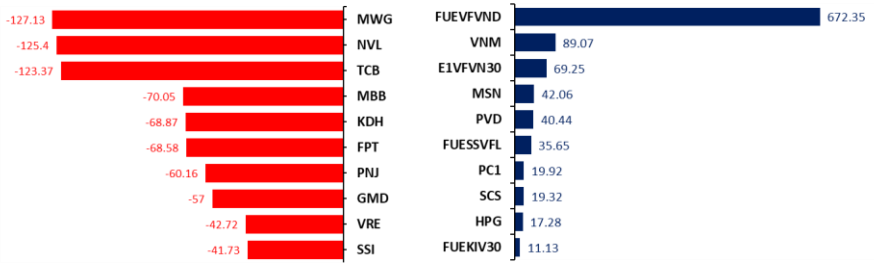
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

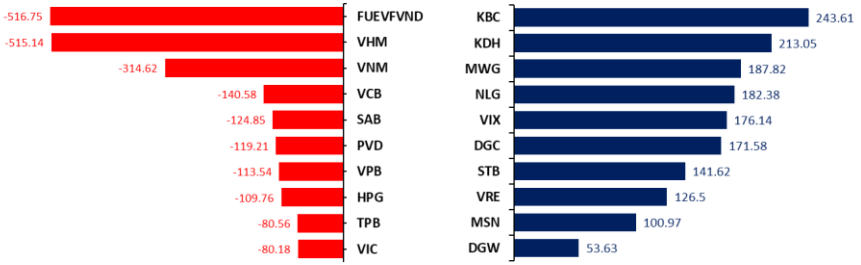
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-313	257	282	-539
Tài nguyên Cơ bản	20	-72	195	-123
Truyền thông	0	0	-1	1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-54	-82	227	-145
Y tế	-1	0	-2	2
Hóa chất	-18	90	-80	-10
Dịch vụ tài chính	767	-241	-439	680
Du lịch và Giải trí	5	-40	29	12
Ngân hàng	-393	-54	391	-338
Xây dựng và Vật liệu	24	-26	140	-114
Thực phẩm và đồ uống	124	-146	-192	338
Bán lẻ	-131	232	-244	13
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-27	-151	172	-21
Hàng cá nhân & Gia dụng	-60	-2	61	-58
Công nghệ Thông tin	-69	7	-10	2
Ô tô và phụ tùng	2	20	-18	-2
Bảo hiểm	2	-13	27	-14
Dầu khí	36	-91	67	24
Tổng	-86	-311	605	-294

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NO1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.50 - 12.10	8.4	-16.7%
2	DHM	Tài nguyên Cơ bản	7.10 - 12.20	9.3	-12.2%
3	TTE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.07 - 15.60	9.5	-11.2%
4	RDP	Hóa chất	5.81 - 12.50	8.0	-10.9%
5	EVF	Dịch vụ tài chính	6.79 - 19.85	17.4	-9.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.9%	9.9	6.79 - 12.50	Bất động sản	VRC
17.2%	7.0	4.10 - 11.80	Bán lẻ	PIT
16.0%	21.0	7.51 - 21.35	Dịch vụ tài chính	AGR
13.8%	24.4	12.45 - 25.00	Bất động sản	NBB
13.2%	21.0	8.86 - 15.00	Tài nguyên Cơ bản	SMC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KSQ	Tài nguyên Cơ bản	1.30 - 4.90	3.1	-18.4%
2	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.10 - 15.00	8.8	-16.2%
3	VE3	Xây dựng và Vật liệu	7.70 - 15.10	9.4	-16.1%
4	X20	Hàng cá nhân & Gia dụng	7.10 - 12.50	9.5	-13.6%
5	ATS	Du lịch và Giải trí	8.50 - 19.80	10.8	-13.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
49.5%	13.6	6.50 - 14.40	Xây dựng và Vật liệu	HMR
27.9%	5.5	3.70 - 5.60	Xây dựng và Vật liệu	VTV
26.7%	27.5	2.80 - 27.50	Xây dựng và Vật liệu	MCO
21.5%	11.3	7.60 - 18.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAG
21.3%	9.1	6.30 - 9.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PCT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ATB	Xây dựng và Vật liệu	0.40 - 1.00	0.5	-28.6%
2	G20	Hàng cá nhân & Gia dụng	0.50 - 1.10	0.6	-25.0%
3	PSG	Xây dựng và Vật liệu	0.50 - 1.40	0.7	-22.2%
4	HAF	Thực phẩm và đồ uống	12.60 - 36.00	19.3	-21.2%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	15.10 - 21.70	16.0	-21.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
83.9%	5.7	1.50 - 5.70	Thực phẩm và đồ uống	ICF
70.6%	18.6	5.60 - 20.00	Tài nguyên Cơ bản	TMW
52.4%	6.4	3.50 - 9.60	Hóa chất	RBC
52.1%	22.2	9.50 - 35.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCP
38.0%	6.9	3.40 - 9.20	Thực phẩm và đồ uống	PRO

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	DMC	CTCP Cảng Quy Nhơn	Y tế	590.6	1,518.2	60.4	41.50 - 71.50	7.5
2	CKG	Xây dựng Kiên Giang	Bất động sản	2,786.7	522.7	23.5	19.85 - 32.20	12.4
3	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,953.4	242.7	91.0	82.00 - 98.10	0.2
4	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	786.4	218.4	21.9	18.20 - 31.45	-1.8
5	HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	15,945.1	170.6	13.4	10.00 - 15.00	5.1
6	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	925.2	154.9	24.7	21.70 - 26.50	0.6
7	NBB	577 CORP	Bất động sản	7,749.8	149.1	24.4	12.45 - 25.00	13.8
8	CNG	CNG Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14,423.5	142.1	31.5	20.46 - 36.60	7.9
9	TCL	Tan Cang Logistics	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	938.9	122.5	38.2	33.80 - 40.30	-1.3
10	TCI	Chứng khoán Thành Công	Dịch vụ tài chính	11,026.0	119.2	13.5	12.25 - 13.90	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

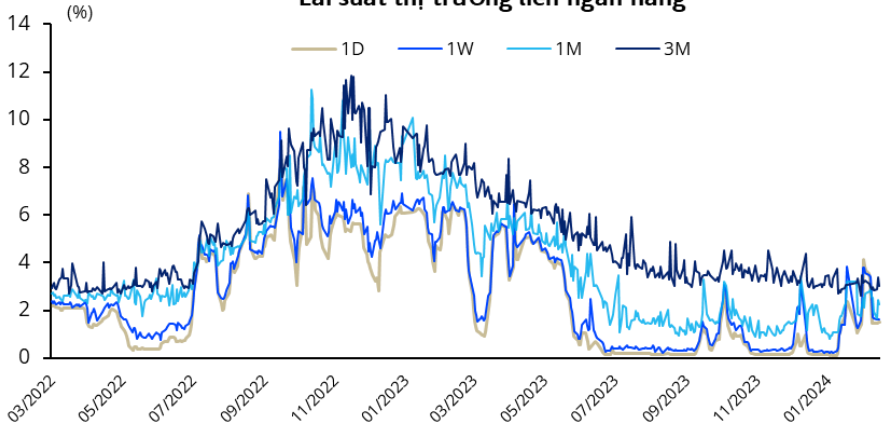
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	102.82	-1.0	-1.3	-1.1	1.5	
VND/USD	24,657	0.1	0.9	1.7	1.6	
KRW/USD	1,319.75	-0.9	-0.6	1.0	2.5	
JPY/USD	147.25	-1.9	-1.4	1.6	4.4	
EUR/USD	0.91	-0.9	-1.4	-1.5	1.0	
SGD/USD	1.33	-0.9	-1.2	-0.8	0.9	
CNY/USD	7.19	-0.1	-0.1	0.3	1.3	

Hàng hóa

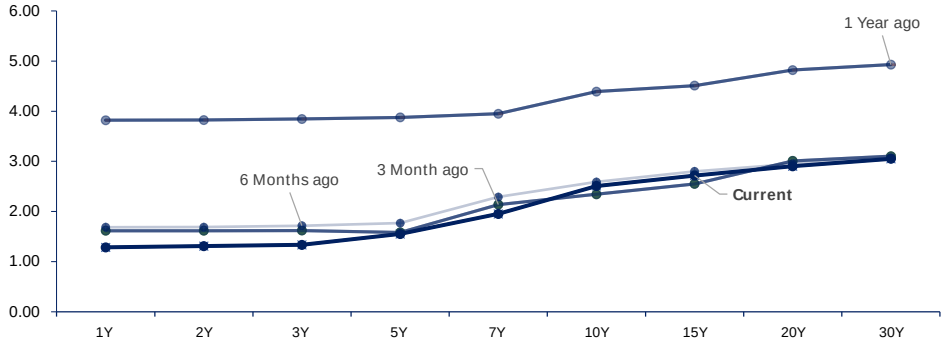
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	79.91	-0.1	4.8	12.2	11.5	
Xăng	257.45	-1.5	9.9	25.6	22.4	
Gas	1.80	-2.1	-6.3	-30.4	-28.6	
Than	135.50	3.4	12.4	-8.9	-7.4	
Vàng	2,167.53	4.1	6.5	8.1	5.1	
Bạc	24.52	6.0	8.6	6.6	3.0	
Platinum	922.02	3.8	3.6	0.1	-7.0	
Quặng sắt	117.96	-5.5	-7.1	-12.2	-13.5	
Thép cán	3,933.00	-2.0	-2.6	-3.9	-3.6	
Lúa mì	520.75	-9.8	-13.5	-16.8	-17.1	
Ngô	425.50	3.2	-1.8	-8.6	-9.7	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.29	1.31	1.34	1.55	1.95	2.51	2.72	2.55	2.80
Thay đổi (BPS)*	7.20	6.60	6.00	9.10	11.20	17.40	14.90	5.00	3.70

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.